



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯỢNG HOÀNG

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011  
đã được kiểm toán

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯỢNG HOÀNG**

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011  
đã được kiểm toán

## **MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 25

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **Khái quát**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 96/UBCK – GP ngày 21 tháng 08 năm 2008, giấy phép điều chỉnh số 173/UBCK-GP ngày 26/11/2008 và số 287/UBCK-GP ngày 09 tháng 12 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký thuế số 0102973463 do Cục thuế Tp.Hà Nội cấp ngày 15 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại P224-202-006, 27 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

### **Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Bà Lê Thị Mai Linh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Cẩm Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Cẩm Trung	Tổng Giám đốc
Ông Luyện Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

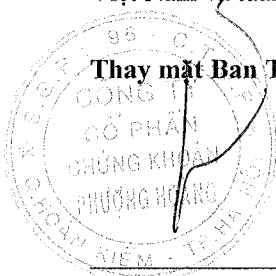
## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Cẩm Trung**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2012



Số: 172 /BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**Về Báo cáo tài chính năm 2011**  
**của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Hoàng**

**Kính gửi:** **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Hoàng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Hoàng được lập ngày 06/03/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Hoàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các hướng dẫn kế toán áp dụng tại công ty chứng khoán, các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**

**Cao Thị Hồng Nga**  
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 04 năm 2012

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thị Cúc**  
Chứng chỉ KTV số: 0700/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>42.822.086.545</b>	<b>453.362.282.627</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>4.480.180.810</b>	<b>16.176.847.256</b>
1. Tiền	111		4.480.180.810	11.676.847.256
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		V.3	-	<b>670.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.967.500.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.297.500.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130	V.9	<b>38.148.751.739</b>	<b>436.027.401.889</b>
1. Phải thu khách hàng	131		172.987.275	146.800.128
2. Trả trước cho người bán	132		9.343.000	55.635.717
3. Các khoản phải thu khác	138		37.966.421.464	435.824.966.044
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>193.153.996</b>	<b>488.033.482</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		33.640.996	4.058.482
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		159.513.000	483.975.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>2.521.181.212</b>	<b>2.934.876.093</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	220		<b>2.004.194.208</b>	<b>2.405.716.659</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	1.279.440.540	1.923.181.431
- Nguyên giá	222		2.527.536.978	2.527.536.978
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.248.096.438)	(604.355.547)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	724.753.668	482.535.228
- Nguyên giá	228		893.433.000	530.317.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(168.679.332)	(47.782.572)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>516.987.004</b>	<b>529.159.434</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	103.444.875	398.712.505
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.7	413.542.129	130.446.929
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>45.343.267.757</b>	<b>456.297.158.720</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>9.814.457.838</b>	<b>420.143.927.274</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>9.814.457.838</b>	<b>420.143.927.274</b>
1. Phải trả người bán	312		410.094.376	13.040.000
2. Người mua trả tiền trước	313		246.000.000	246.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	254.290.008	893.030.393
4. Phải trả người lao động	315		502.798.738	1.965.992.484
5. Chi phí phải trả	316	V.10	19.250.954	918.971.509
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11	8.327.965.491	398.101.023.452
7. Phải trả hoạt động chứng khoán	320		54.058.271	18.005.869.436
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330			
1. Phải trả dài hạn khác	333			
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>35.528.809.919</b>	<b>36.153.231.446</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.12	<b>35.528.809.919</b>	<b>36.153.231.446</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		528.809.919	1.153.231.446
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	430			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>45.343.267.757</b>	<b>456.297.158.720</b>

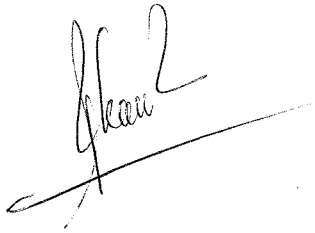


**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	686.313.240.000	206.837.100.000
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	637.471.930.000	206.837.100.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	-
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	637.471.930.000	206.837.100.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	1.569.600.000	-
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	1.569.600.000	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	45.715.500.000	-
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	45.715.500.000	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	1.546.000.000	-
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	1.546.000.000	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	10.210.000	-
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	10.210.000	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	-	-
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-

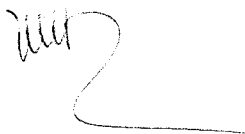
Người lập biểu



Phạm Thị Tuyết Thanh

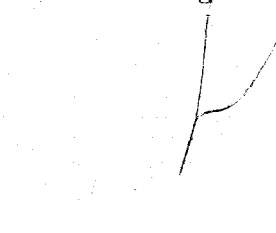
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng



Lê Hồng Hạnh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cẩm Trung

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2011

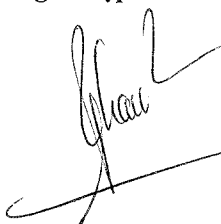
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>61.914.097.769</b>	<b>28.548.254.313</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu môi giới chứng khoán	01.1		2.726.896.444	4.019.451.622
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		28.864.000	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		3.425.454.546	14.143.671.414
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		55.454.840	13.500.000
- Doanh thu khác	01.9	VI.1	55.677.427.939	10.383.631.277
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>			
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>61.914.097.769</b>	<b>28.548.254.313</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	VI.2	<b>54.224.668.620</b>	<b>13.269.561.168</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>7.689.429.149</b>	<b>15.278.693.145</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>		<b>8.304.526.313</b>	<b>10.969.480.594</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(615.097.164)</b>	<b>4.309.212.551</b>
8. Thu nhập khác	31		23.864	369.000
9. Chi phí khác	32		9.348.227	31.362.000
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(9.324.363)</b>	<b>(30.993.000)</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(624.421.527)</b>	<b>4.278.219.551</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.3	-	384.410.482
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(624.421.527)</b>	<b>3.893.809.069</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.4	<b>(178)</b>	<b>1.113</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Tuyết Thanh

Lê Hồng Hạnh

Nguyễn Cẩm Trung

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

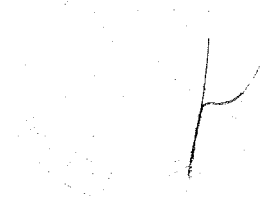
Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(624.421.527)	4.278.219.551
2. Điều chỉnh cho các khoản		(1.807.642.257)	1.651.637.390
- Khấu hao tài sản cố định	02	764.637.651	633.414.452
- Các khoản dự phòng	03	(1.297.500.000)	1.297.500.000
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(53.492.533.708)	(9.521.733.112)
- Chi phí lãi vay	06	52.217.753.800	9.242.456.050
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.432.063.784)	5.929.856.941
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	398.203.112.150	(405.493.088.793)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(409.208.159.404)	409.719.878.834
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	265.685.116	(132.093.899)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(52.978.778.889)	(8.478.485.961)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(360.284.943)	(24.125.539)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(272.797.546)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(66.783.287.300)</b>	<b>1.521.941.583</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(363.115.200)	(1.055.468.750)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn	25	-	(1.967.500.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.967.500.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay	27	53.482.236.054	9.521.733.112
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>55.086.620.854</b>	<b>6.498.764.362</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>(11.696.666.446)</b>	<b>8.020.705.945</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>16.176.847.256</b>	<b>8.156.141.311</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>4.480.180.810</b>	<b>16.176.847.256</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Tuyết Thanh

Lê Hồng Hạnh

Nguyễn Cẩm Trung

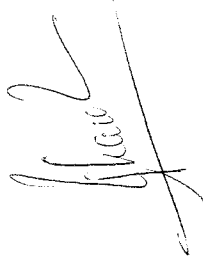
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2012

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	(2.740.577.623)	1.153.231.446	3.893.809.069	-	624.421.527	1.153.231.446	528.809.919	528.809.919

Người lập biểu



Phạm Thị Tuyết Thanh

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng



Lê Hồng Hạnh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cẩm Trung

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2011

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 96/UBCK – GP ngày 21 tháng 08 năm 2008, giấy phép điều chỉnh số 173/UBCK-GP ngày 26/11/2008 và số 287/UBCK-GP ngày 09 tháng 12 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký thuế số 0102973463 do Cục thuế Tp.Hà Nội cấp ngày 15 tháng 10 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty tại P224-202-006, 27 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: dịch vụ

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn tài chính.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và thông tư 162/2010/TT-BTC hướng dẫn bổ sung, sửa đổi thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức: Nhật ký chung

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên tắc nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

- Thiết bị quản lý 01-05 năm

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	-	10.910
Tiền gửi ngân hàng	117.696.724	4.311.848.094
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	4.362.484.086	7.364.988.252
Tiền gửi có kỳ hạn	-	4.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.480.180.810</b>	<b>16.176.847.256</b>

**2. Giá trị giao dịch được thực hiện trong năm**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Của công ty chứng khoán	-	-
b) Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	98.097.188	2.038.482.271.400
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	27.100	203.120.000
<b>Cộng</b>	<b>98.124.288</b>	<b>2.038.685.391.400</b>

**3. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư ngắn hạn	-	1.967.500.000
- Chứng khoán thương mại		1.967.500.000
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>		<i>400.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải</i>		<i>1.567.000.000</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1.297.500.000)
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>		<i>(225.000.000)</i>
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải</i>		<i>(1.072.500.000)</i>
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>670.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<i>Đơn vị tính : VND</i>	
	<b>Thiết bị quản lý</b>	
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	2.527.536.978	
Số tăng trong năm	-	
Số giảm trong năm	-	
- Giảm khác	-	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.527.536.978</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	604.355.547	
Khấu hao trong năm	643.740.891	
Số giảm trong năm	-	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.248.096.438</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	1.923.181.431	
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.279.440.540</b>	

**5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Đơn vị tính : VND</i>	
	<b>Phần mềm</b>	
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	530.317.800	
Số tăng trong năm	363.115.200	
Số giảm trong năm	-	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>893.433.000</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	47.782.572	
Khấu hao trong năm	120.896.760	
Số giảm trong năm	-	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>168.679.332</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	482.535.228	
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>724.753.668</b>	

**6. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí trả trước chờ phân bổ	77.715.932	121.652.599
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	25.728.943	277.059.906
<b>Cộng</b>	<b>103.444.875</b>	<b>398.712.505</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**7. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	272.797.546	-
- Tiền lãi phân bổ	20.744.583	10.466.929
<b>Cộng</b>	<b>413.542.129</b>	<b>130.446.929</b>

**8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	208.160.850	318.636.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	360.284.943
Thuế thu nhập cá nhân	46.129.158	214.108.593
<b>Cộng</b>	<b>254.290.008</b>	<b>893.030.393</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**9. Các khoản phải thu**

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ(01/01/2011)			Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ (31/12/2011)			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi		
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	
1. Phải thu của khách hàng	146.800.128			5.205.412.106	5.179.224.959	172.987.275				
2. Phải thu khác	435.880.601.761	-	-	1.549.690.582.020	1.947.595.419.317	37.975.764.464				
- Trả trước tiền cho người bán	55.635.717				46.292.717	9.343.000				
- Phải thu khác(*)	435.824.966.044			1.549.690.582.020	1.947.549.126.600	37.966.421.464				
<b>Cộng</b>	<b>436.027.401.889</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.554.895.994.126</b>	<b>1.952.774.644.276</b>	<b>38.148.751.739</b>				

**(\*) Chi tiết phải thu khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Bất động sản Phú Mỹ	-	180.000.000.000
Công ty CP Dầu tư tài chính Phương Hoàng	22.976.431.152	25.268.367.952
Công ty TNHH TMXD Bất động sản Sơn Hải	-	4.854.363.193
Công ty CP Dầu tư Bắc Hà	-	115.000.000.000
Phải thu các cá nhân khác	14.989.990.312	110.702.234.899
<b>Cộng</b>	<b>37.966.421.464</b>	<b>435.824.966.044</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Chi phí phải trả**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.945.000	763.970.089
Chi phí phải trả khác	16.305.954	155.001.420
<b>Cộng</b>	<b>19.250.954</b>	<b>918.971.509</b>

**11. Các khoản phải trả phải nộp khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	8.327.965.491	398.101.023.452
<b>Cộng</b>	<b>8.327.965.491</b>	<b>398.101.023.452</b>

**(\*) Chi tiết phải trả khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	-	15.000.000.000
Công ty Cp Đầu tư Tài chính Phượng Hoàng	-	680.000.000
Ngân hàng Eximbank	-	23.079.734.400
Ngân hàng INDOVINA - CN Hà Nội	-	56.799.497.281
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP HCM	2.000.000.000	295.000.000.000
Các cá nhân khác	6.327.965.491	7.541.791.771
<b>Cộng</b>	<b>8.327.965.491</b>	<b>398.101.023.452</b>

**12. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
A	1	2	3	4
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-
3. Cổ phiếu quỹ		-	-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-
6. LN sau thuế chưa phân phối	1.153.231.446	-	624.421.527	528.809.919
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.153.231.446</b>		<b>624.421.527</b>	<b>35.528.809.919</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.967.018.376	9.521.733.112
Doanh thu khác	710.409.563	861.898.165
<b>Cộng</b>	<b>55.677.427.939</b>	<b>10.383.631.277</b>

**2. Chi phí hoạt động kinh doanh**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.487.030.677	1.127.243.599
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	1.442.667.500	-
Chi phí hoạt động tư vấn	5.776.110	1.088.290.000
Chi phí dự phòng	(1.297.500.000)	1.297.500.000
Chi phí trả lãi vay và huy động	52.217.753.800	9.242.456.050
Chi phí khác	368.940.533	514.071.519
<b>Cộng</b>	<b>54.224.668.620</b>	<b>13.269.561.168</b>

**3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(624.421.527)</b>	<b>4.278.219.551</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	9.324.363	(2.740.577.623)
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.324.363	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	2.740.577.623
+ <i>Lỗ năm trước chuyển sang</i>	-	2.740.577.623
Tổng lợi nhuận tính thuế	(615.097.164)	1.537.641.928
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	-	<b>384.410.482</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(624.421.527)	3.893.809.069
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(624.421.527)	3.893.809.069
Cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	3.500.000	3.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)</b>	<b>(178)</b>	<b>1.113</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.308.500.000	1.823.400.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau: Lĩnh vực môi giới và lĩnh vực tư vấn, lĩnh vực khác.

**2.1 Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:**

*Đơn vị tính: VND*

	Tư vấn và		Tổng cộng
	Môi giới	lĩnh vực khác	
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.726.896.444	59.187.201.325	61.914.097.769
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.726.896.444</b>	<b>59.187.201.325</b>	<b>61.914.097.769</b>
Chi phí bộ phận	1.487.030.677	52.737.637.943	54.224.668.620
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.239.865.767	6.449.563.382	7.689.429.149
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			8.304.526.313
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(615.097.164)
Thu nhập khác			23.864
Chi phí khác			9.348.227
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			-
Tổng lợi nhuận sau thuế			(624.421.527)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			363.115.200
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			1.059.905.281

**2.2 Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:**

	Tư vấn và		Tổng cộng
	Môi giới	lĩnh vực khác	
Tài sản bộ phận	12.897.123.797	-	12.897.123.797
Tài sản không phân bổ			32.446.143.960
<b>Tổng Tài sản</b>			<b>45.343.267.757</b>
Nợ phải trả bộ phận	6.295.592.143	-	6.295.592.143
Nợ phải trả không phân bổ			3.518.865.695
<b>Tổng Nợ phải trả</b>			<b>9.814.457.838</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4.480.180.810	16.176.847.256	4.480.180.810	16.176.847.256
<i>Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	-	670.000.000	-	670.000.000
Chứng khoán thương mại	-	670.000.000	-	670.000.000
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	-	-	-	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	-	670.000.000	-	670.000.000
Các khoản hợp tác kinh doanh ngắn hạn	-	-	-	-
<i>Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i>	-	-	-	-
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	-
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	-	-	-	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	-	-	-	-
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	-	-	-	-
<b>Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác</b>	38.139.408.739	436.027.401.889	38.139.408.739	436.027.401.889
<b>Cộng</b>	42.628.932.549	452.874.249.145	42.628.932.549	452.874.249.145
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả cho người bán	410.094.376	13.040.000	410.094.376	13.040.000
Chi phí phải trả	19.250.954	918.971.509	19.250.954	918.971.509
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	54.058.271	18.005.869.436	54.058.271	18.005.869.436
Các khoản phải trả khác	8.327.965.491	398.101.023.452	8.327.965.491	398.101.023.452
<b>Cộng</b>	8.811.369.092	417.038.904.397	8.811.369.092	417.038.904.397



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **4. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### ***Các khoản phải thu khác***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên phòng quản lý rủi ro thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### ***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### **5. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả cho người bán	410.094.376	-	410.094.376
Người mua trả tiền trước	-	246.000.000	246.000.000
Vay và nợ	-	-	-
Chi phí phải trả	19.250.954	-	19.250.954
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	54.058.271	-	54.058.271
Các khoản phải trả khác	8.327.965.491	-	8.327.965.491
<b>Cộng</b>	<b>8.811.369.092</b>	<b>246.000.000</b>	<b>9.057.369.092</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả cho người bán	13.040.000	-	13.040.000
Người mua trả tiền trước	246.000.000	-	246.000.000
Vay và nợ	-	-	-
Chi phí phải trả	918.971.509	-	918.971.509
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18.005.869.436	-	18.005.869.436
Các khoản phải trả khác	398.101.023.452	-	398.101.023.452
<b>Cộng</b>	<b>417.284.904.397</b>	<b>-</b>	<b>417.284.904.397</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**6. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, và các khoản phải trả tài chính. Các khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn, các khoản phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

**7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

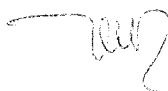
**Người lập biểu**



**Phạm Thị Tuyết Thanh**

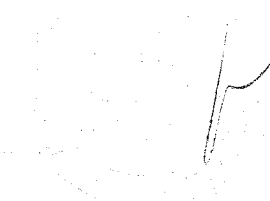
Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2012

**Kê toán trưởng**



**Lê Hồng Hạnh**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Cẩm Trung**